

Bản án số: 04/2022/HS-PT
Ngày 06-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 06 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Đặng Văn S do có kháng cáo của bị cáo Đặng Văn S và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Văn S, sinh năm 1984 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội M, thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký tạm trú: số B, khu phố T, phường Th, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn U (đã chết) và bà Lê Thị M; có vợ là bà Phùng Thị D; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020 đến ngày 08/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Đức M, sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: số M, ấp P, xã N3, huyện B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Nh và bà Nguyễn Thị N; có vợ là bà Phạm Ngọc Mai P và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 23/4/2014, bị Công an thành phố H, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định số 416/QĐ-CATP (đóng phạt ngày 06/5/2014).

Ngày 24/6/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 362/2014/HS-ST (đóng án phí ngày 05/12/2014).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Lê Minh T, sinh năm 1986 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã S, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký tạm trú: khu phố T, phường Th, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ sửa chữa xe; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Kh và bà Nguyễn Thị G; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Trung H, sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: ấp M, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến L và bà Nguyễn Thị Bích Ph; có vợ là bà Hoàng Thị Thu H và có 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: ngày 15/11/2013, bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào có sở chữa bệnh theo Quyết định số 6800/QĐ-UBND, đến ngày 02/4/2015 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai ra quyết định miễn chấp hành thời gian còn lại tại cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 830/QĐ-UBND; bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Bùi Quang Đ, sinh năm 1974 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số T, tổ M, khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: phụ xe; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Đ và bà Lê Thị M; có vợ là bà Nguyễn Thị Kim T và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 06/12/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Nguyễn Công T, sinh năm 1972 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: số K, đường C, tổ H, phường Kh, quận Kh, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

không; quốc tịch; Việt Nam; con ông Nguyễn Phú Kh (đã chết) và bà Phạm Thị Q; có vợ là bà Lê Thị Hà Th và 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020 được thay đổi biện bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo khác không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03/12/2020, tại bãi xe “Đ-V- D” thuộc khu phố T, phường Th, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Công T, Bùi Ngọc T, Bùi Quang Đ, Nguyễn Trung H, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thế A, Lê Văn H, Trương Đắc L, Lê Minh Tr cùng một số thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa (chẵn, lẻ) thắng thua bằng tiền. Mỗi ván đặt cược chẵn lẻ số tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. Lúc đầu, Ngh đứng ra làm cái nhưng sau đó vì Ngh bị thua nhiều nên giao lại cho Đ đứng ra làm cái lắc cho các con bạc chơi. Trong quá trình chơi có một số thanh niên chưa rõ nhân thân, lai lịch đã bỏ về trước. Đến 22 giờ 30 phút cùng, Công an phường Th phối hợp với Đội Cảnh sát trật tự Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính bãi xe “Đ-V- D” phát hiện các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa (chẵn, lẻ) thắng thua bằng tiền thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.100.000 đồng nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đưa các đối tượng về làm việc. Riêng Đặng Văn S bỏ chạy đến ngày 04/12/2020 thì đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) bộ chén đĩa sứ trắng và 04 (bốn) quân vị làm từ các lá bài; 10.100.000 đồng tiền tang thu tại chiếu bạc; thu giữ 6.500.000 đồng trên người của Nguyễn Văn Ngh; thu giữ 18.700.000 đồng trên người của Lê Văn H; thu giữ 1.900.000 đồng trên người Lê Minh Tr; thu giữ 400.000 đồng trên người Bùi Quang Đ; thu giữ 2.000.000 đồng trên người Nguyễn Thế A; thu giữ 7.300.000 đồng trên người Trương Đắc L; thu giữ 1.000.000 đồng trên người Bùi Ngọc T và thu giữ 390.000 đồng trên người Đặng Văn S.

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Văn Ngh mang theo và sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Ngh làm cái thua nên mượn của Nguyễn Đức M số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc. Ngh thua 3.200.000 đồng. Ngh sử dụng 100.000

đồng đưa cho S để mua nước. Khi bị bắt Công an thu tang trên chiếu bạc 1.300.000 đồng và thu giữ 6.500.000 đồng trong người.

Lê Văn H mang theo 20.700.000 đồng và sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc H thua 2.000.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 18.700.000 đồng.

Lê Minh Tr mang theo và sử dụng 2.100.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Tr thua 200.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 1.900.000 đồng.

Bùi Quang Đ mang theo và sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Đ thua 1.600.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 400.000 đồng.

Nguyễn Thế A mang theo và sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc. quá trình đánh bạc, A không thắng không thua, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 2.000.000 đồng.

Nguyễn Trung H mang theo và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc H thua 900.000 đồng và sử dụng 100.000 đồng đưa cho S để mua nước.

Nguyễn Công T mang theo và sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc T thua 700.000 đồng.

Trương Đắc L mang theo 7.500.000 đồng và sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc L thua 200.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 7.300.000 đồng.

Bùi Ngọc T mang theo 1.200.000 đồng và sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc T thắng 200.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ tiền tang có 400.000 đồng và trong người 1.000.000 đồng.

Nguyễn Đức M không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng M cho Ngh mượn 10.000.000 đồng để đánh bạc.

Đặng Văn S thu được 700.000 đồng của các đối tượng tham gia đánh bạc trong đó của Ngh, H và của một số người không rõ nhân thân, lai lịch, S đã sử dụng 310.000 đồng để mua nước và thuốc, còn 390.000 đồng S cất trong người. S cho các đối tượng vào văn phòng làm việc của bãi xe Đ-V- D để đánh bạc.

Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 33.090.000 đồng.

Đối với một số thanh niên tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo trong ngày 03/12/2020, do chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đang tiếp tục xác minh điều tra làm rõ xử lý sau. Đối với số tiền 15.700.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Văn H, số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Bùi Ngọc T và 7.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Trương Đắc

L là tiền cá nhân của các bị cáo và không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền trên cho H, T và L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố D quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Công T, Bùi Ngọc T, Bùi Quang Đ, Nguyễn Trung H, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thế A, Lê Văn H, Trương Đắc L, Lê Minh Tr về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội “Gá bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020.

Xử phạt bị cáo Lê Minh Tr 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 09/12/2020.

Xử phạt bị cáo Bùi Quang Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 06/12/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 12/12/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt các bị cáo Đặng Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, được khấu thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020 đến ngày 08/01/2021.

Ngoài ra, bản án còn phạt bị cáo Lê Văn H 10 (mười) tháng tù, Nguyễn Văn Ngh 01 (một) năm tù, Nguyễn Thế A 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Trương Đắc L 06 (sáu) tháng tù; tuyên về biện pháp ngăn chặn, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 20/4/2021, bị cáo Bùi Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 14/12/2021, bị cáo T có đơn rút yêu cầu kháng cáo. Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 72/2021/HSPT-QĐ ngày 20/12/2021 đối với bị cáo T.

Ngày 20/4/2021, các bị cáo Đặng Văn S, Lê Minh Tr, Nguyễn Trung H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Công T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo; tại phiên tòa các bị cáo thay đổi kháng cáo, xin được hưởng án treo.

Ngày 20/4/2021, bị cáo Nguyễn Đức M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Minh Tr, Nguyễn Trung H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Công T, Nguyễn Đức M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Đặng Văn S về tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, xét thấy hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ xem xét kháng cáo cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo một cơ hội được tiếp tục lao động nuôi sống gia đình.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình

tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Công T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do vậy, căn cứ các Điều 290 và 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại bãi xe Đ-V-D (thuộc khu phố T, phường Th, thành phố D, tỉnh Bình Dương) Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Công T, Bùi Ngọc T, Bùi Quang Đ, Nguyễn Trung H, Nguyễn Thế A, Lê Văn H, Trương Đắc L, Lê Minh Tr cùng một số thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa (chẵn, lẻ) thắng thua bằng tiền, riêng bị cáo Nguyễn Đức M không đánh bạc nhưng biết bị cáo Ngh đánh bạc và cho mượn 10.000.000 đồng để đánh bạc. Mỗi ván đặt cược chẵn lẻ số tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 33.090.000 đồng. Bị cáo Đặng Văn S không tham gia đánh bạc nhưng dùng địa điểm do mình quản lý là phòng bảo vệ bãi xe Đ- V- D để cho các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Công T, Bùi Ngọc T, Bùi Quang Đ, Nguyễn Trung H, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thế A, Lê Văn H, Trương Đắc L, Lê Minh Tr cùng một số thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa (chẵn, lẻ) thắng thua bằng tiền và thu tiền xâu 700.000 đồng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Công T, Bùi Ngọc T, Bùi Quang Đ, Nguyễn Trung H, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thế A, Lê Văn H, Trương Đắc L và Lê Minh Tr về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Đặng Văn S về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đặng Văn S, Lê Minh Tr, Nguyễn Trung H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Công T:

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội, các bị cáo Lê Minh Tr, Nguyễn Trung H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Công T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội không lớn; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định. Đối với bị cáo Nguyễn Trung H, có nhân thân xấu

(ngày 15/11/2013, bị UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 6800/QĐ-UBND, đến ngày 02/4/2015 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai ra quyết định miễn chấp hành thời gian còn lại tại cơ sở chữa bệnh, theo Quyết định số 830/QĐ-UBND), tuy nhiên với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do vậy, trường hợp của các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Đối với bị cáo Đặng Văn S, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú, thu lợi bất chính với số tiền không lớn (700.000 đồng nhưng đã mua nước, thuốc lá cho các bị cáo khác hết 310.000 đồng). Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, là đối tượng bị ảnh hưởng chất độc màu da cam đang hưởng chính sách của Nhà nước, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Trường hợp của bị cáo cũng đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho gia đình, xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức M, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”, bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, với nhân thân của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp, bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo S, Đ, H, Tr, T là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, bị cáo M là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: các bị cáo S, Đ, H, Tr, T không phải nộp; bị cáo Nguyễn Đức M phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức M.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn S, Lê Minh Tr, Nguyễn Trung H, Bùi Quang Đ và Nguyễn Công T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2021/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D về phần hình phạt như sau:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn S phạm tội “Gá Bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh Tr, Nguyễn Trung H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Công T, Nguyễn Đức M phạm tội “Đánh bạc”.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt các bị cáo Đặng Văn S 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (06/01/2022).

Giao bị cáo Đặng Văn S về Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố D, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đặng Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 58 và 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Minh Tr 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (06/01/2022).

Giao bị cáo Lê Minh Tr về Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố D, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Minh Tr thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 58 và 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (06/01/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Trung H về Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Trung H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (06/01/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Công T về Ủy ban nhân dân phường Kh, quận Thanh Kh, thành phố Đà Nẵng trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Công T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Quang Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án .

Giao bị cáo Bùi Quang Đ về Ủy ban nhân dân D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Bùi Quang Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 12/12/2020.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đặng Văn S, Lê Minh Tr, Nguyễn Trung H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Công T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đức M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D (7);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố Dn;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (6);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (6);
- Tổ Hành chính tư pháp (02);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, LTH, 29.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sang